

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-ST

Ngày: 15/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Nguyễn Văn Miêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2026/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Mai Văn N, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2003, tại tỉnh Vĩnh Long (trước đây là tỉnh Bến Tre); nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: số 108/3 ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: cơ khí; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T, sinh năm 1979 (còn sống) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985 (còn sống); vợ: Lê Huỳnh Yến N1, sinh năm 2007; con: có 01 người con, sinh ngày 29/5/2025; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lê Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: số C ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Mai Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: số A ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

+ Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1980; địa chỉ: số G ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1985; địa chỉ: số A ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Trần Minh K, sinh ngày 10/3/2013; địa chỉ: số B ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho ông Trần Minh K là bà Lê Thị Ánh T1, sinh năm 1982; địa chỉ: số B ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian làm thuê tại xưởng cơ khí A thuộc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long) do ông Lê Văn M, sinh ngày 10/8/1988, nơi cư trú: số C ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long làm chủ, Mai Văn N biết tại đây có chân vịt chạy ghe, tàu bằng kim loại nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 20 giờ ngày 28/3/2025, Mai Văn N điều khiển xe mô tô biển số 71C3-298.28 của ông Mai Văn T (sinh năm: 1979 là cha ruột của N) chở Trần Minh K (em vợ của N) đi chơi. Trên đường đi, N nói với K đến xưởng cơ khí A để lấy trộm chân vịt, K đồng ý. Đến nơi, Nguyễn đầu xe cặp lề đường huyện lộ 92 trước cửa xưởng, Nguyễn chỉ cho K mật khẩu để mở khóa cửa, cách tránh camera quan sát và vị trí lắp đặt cầu dao điện. Khi K mở được khóa cửa của xưởng, N dùng tay mở rộng hai cánh cửa để K đi vào bên trong xưởng đến vị trí lắp đặt cầu dao điện ngắt điện. Sau đó, cả hai vào bên trong xưởng tìm lấy 02 (hai) cái chân vịt chạy ghe, tàu loại 03 cánh, chất liệu bằng kim loại (đồng thau), màu vàng (gồm 01 cái nhỏ, 01 cái lớn). K cầm đèn pin đã mang theo rồi để Nguyễn đem cái chân vịt nhỏ ra đặt dưới nền sân gần xe mô tô. N và K tiếp tục đi vào xưởng để lấy cái chân vịt lớn, do chân vịt nặng nên N và K cùng khiêng ra đặt gần chỗ chân vịt thứ nhất. Sau đó, Nguyễn trực T2 đóng khóa cửa xưởng, không bật lại cầu dao điện rồi cùng K khiêng cái chân vịt lớn để trên бага trước xe, chân vịt nhỏ, Nguyễn tự R để lên yên xe và K ngồi lên rồi điều khiển xe chở K và 02 cái chân vịt lấy trộm được đem cất giấu gần cầu V (thuộc ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long) rồi về nhà. Đến trưa ngày 29/3/2025, Nguyễn điều khiển xe mô tô biển số 71C3-010.22 của ông Mai Văn T chở K đến chỗ cất giấu, lấy 02 (hai) cái chân vịt đem bán tại cơ sở thu mua phế liệu gần cầu sắt tại xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) do bà Trần Thị Thanh L làm chủ; tổng cân nặng là 52kg (cái nhỏ 20kg, cái lớn 32kg) được số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền này Nguyễn giữ không chia cho K.

Lần thứ 2: Khoảng 18 giờ, ngày 04/4/2025, Mai Văn N điều khiển xe mô tô biển số 71C3- 010.22 của ông Mai Văn T đến nhà rủ và chở K đi uống trà sữa, trên đường đi N nói với K đi lên xưởng cơ khí A nơi N làm thuê để lấy trộm chân vịt đi bán, K đồng ý. N chở K đến xưởng cơ khí A, khi đến nơi do Nguyễn biết phía bên phải hướng từ cửa chính xưởng nhìn vào có một lỗ hổng, Nguyễn chỉ và kêu K chui vào xưởng cúp cầu dao điện nhưng do trời tối nên N kêu K chui trở ra, Nguyễn chở K về nhà nội của Nguyễn cách xưởng khoảng 500 mét để mượn đèn pin. Sau khi mượn được đèn pin, Nguyễn chở Khôi quay trở lại xưởng cơ khí A, để xe ở vị trí lúc đầu, K đội đèn pin trên đầu cùng N đến trước

cửa xưởng, Nguyễn trực T2 mở khóa cửa xưởng, N và K cùng vào tìm và phát hiện 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh, chất liệu bằng kim loại (đồng thau) màu vàng; do chân vịt nặng nên N và K khiêng ra đặt dưới nền sân chỗ đậu xe mô tô. Cả hai quay trở vào xưởng, Nguyễn ở bên ngoài khóa cửa xưởng lại, K vào bên trong xưởng bật lại cầu dao điện và chui trở ra ngoài qua lỗ hồng bên vách tường. Xong, cả hai cùng khiêng cái chân vịt để trên бага trước xe, Nguyễn điều khiển xe chở K cùng chân vịt đem cất giấu gần cầu V thuộc ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long rồi về nhà. Đến trưa ngày 05/4/2025, Nguyễn điều K1 xe mô tô trên chở K đến chỗ cất giấu lấy cái chân vịt trộm được đem đến vừa thu mua ve chai của bà Bùi Thị Y gần Cầu V thuộc xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) bán được số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Nguyễn cho K 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) và hứa mua lòng để K nuôi gà, phần còn lại Nguyễn cất G.

Đến khoảng 08 giờ ngày 08/4/2025, ông Lê Văn M đến cơ sở cơ khí để làm thì phát hiện bị mất 03 (ba) cái chân vịt nên đến Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Công an xã T, tỉnh Vĩnh Long) trình báo vụ việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) cái chân vịt bằng kim loại, màu vàng, loại có 03 (ba) cánh, phần cạnh phía ngoài của mỗi cánh bị nhâm mề, trong đó có 01 (một) vết mề kích thước lớn nhất dài 5,5cm, cân nặng 49 (bốn mươi chín) kg; chiều dài mỗi chân vịt là 48 (bốn mươi tám) cm; chiều rộng mỗi cánh chân vịt là 27,5 (hai mươi bảy phẩy năm) cm, trục chân vịt có đường kính 11 (mười một) cm, do Mai Văn N giao nộp.

- Tiền Việt Nam: 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) do Mai Văn N giao nộp 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và Trần Minh K giao nộp 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-298.28, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu sơn: đỏ-đen, số máy: G3D4E569745; số khung: 0610HY546220; 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-010.22, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: đỏ-đen-bạc, số máy: 43E-6045068; số khung: 2XBY-128105 do Mai Văn N giao nộp.

Đối với 02 (hai) cái chân vịt Mai Văn N lấy trộm ngày 28/3/2025. Sau khi mua được, ngày 07/4/2025, bà Trần Thị Thanh L đã bán lại cho người khác ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), không thu hồi được.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 232/KL – HĐĐGTS ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Long kết luận: Tại thời điểm ngày 28/3/2025:

- 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt, chất liệu bằng kim loại (đồng thau), màu vàng, chưa qua sử dụng. Vật mẫu được xác định có giá trị tương đồng có đặc điểm: 01 cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt, chất liệu bằng kim loại (đồng thau) mới chưa qua sử dụng, màu vàng, cân nặng 20kg, chiều dài mỗi cánh quạt là 40cm; chiều rộng mỗi cánh quạt là 20cm, trục chân vịt có đường kính là 10cm, có giá 4.766.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt, chất liệu bằng kim loại (đồng thau), màu vàng, chưa qua sử dụng. Vật mẫu được xác định có giá trị tương đồng có đặc điểm: 01 cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt, chất liệu bằng kim loại (đồng thau) đã qua sử dụng, chưa bị oxy hóa, đang còn giá trị sử dụng, màu nâu sẫm, cân nặng 32kg, chiều dài mỗi cánh quạt là 45cm; chiều rộng mỗi cánh quạt là 23cm, trục chân vịt có đường kính là 12cm có giá 7.393.000 đồng (Bảy triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là 12.159.000 đồng (Mười hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL – HĐĐGTS ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã T, tỉnh Vĩnh Long, kết luận 01 (một) chân vịt chạy tàu, loại 03 cánh quạt; chất liệu bằng kim loại màu vàng, cân nặng 49kg, phần cạnh phía ngoài của mỗi cánh bị nhám mẻ, trong đó có một vết mẻ kích thước lớn nhất dài 5,5cm; chiều dài mỗi cánh chân vịt là 48cm, chiều rộng mỗi cánh chân vịt là 27,5cm, trục chân vịt có đường kính là 11cm (tài sản đã thu hồi) tại thời điểm ngày 04/4/2025 có giá trị là 5.390.000 đồng (Năm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Mai Văn N và Trần Minh K trộm cắp có giá trị là 17.549.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã thông báo nội dung các kết luận định giá trên cho Mai Văn N, ông Lê Văn M và Nguyễn Minh K2, tất cả đều đồng ý với các kết luận định giá.

Đối với xe mô tô biển số 71C3-298.28, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu sơn: đỏ-đen, số máy: G3D4E569745; số khung: 0610HY546220 và xe mô tô biển số 71C3-010.22, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: đỏ-đen-bạc, số máy: 43E-6045068; số khung: 2XBY-128105 thuộc sở hữu của ông Mai Văn T (cha ruột của Mai Văn N). Ngày 26/02/2026, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 (hai) xe mô tô trên cho ông T theo Quyết định xử lý vật chứng số B1274/QĐ-VPCQCSĐT ngày 25/02/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

Đối với 01 (một) cái chân vịt thu giữ được nêu trên, ngày 27/11/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Lê Văn M theo Quyết định xử lý vật chứng số B4085/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, ông M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác. Bị cáo Mai Văn N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lê Văn M với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), ông M đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKV9, ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã truy tố trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long để xét xử bị cáo Mai Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bảo lưu quan điểm Cáo trạng đã truy tố bị cáo theo nội dung của Cáo trạng; sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất

của vụ án, mức độ hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung như sau:

- Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo: Tuyên bố bị cáo Mai Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Mai Văn N làm thuê, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Mai Văn N đã bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lê Văn M với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ông M đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Ghi nhận ngày 26/02/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-298.28, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu sơn: đỏ-đen, số máy: G3D4E569745; số khung: 0610HY546220 và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-010.22, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: đỏ-đen-bạc, số máy: 43E-6045068; số khung: 2XBY-128105 cho ông Mai Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số B1274/QĐ-VPCQCSĐT ngày 25/02/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

+ Ghi nhận ngày 27/11/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt; chất liệu bằng kim loại màu vàng, cân nặng 49kg, phần cạnh phía ngoài của mỗi cánh bị nhâm mề, trong đó có một vết mề kích thước lớn nhất dài 5,5cm; chiều dài mỗi cánh chân vịt là 48cm, chiều rộng mỗi cánh chân vịt là 27,5cm, trục chân vịt có đường kính là 11cm cho ông Lê Văn M theo Quyết định xử lý vật chứng số B4085/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

+ Trả lại cho bị cáo Mai Văn N số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Trần Minh K số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Mai Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đồng ý tội danh, điều luật, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã biết lỗi về hành vi của mình, bị cáo rất hối hận xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thời gian chăm sóc con nhỏ và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị hại ông Lê Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Thị Thanh L và bà Bùi Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoãn phiên tòa và đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả định giá tài sản, kết quả thực nghiệm điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng lúc không có người trông coi, quản lý tài sản Mai Văn N đã 02 (hai) lần lén lút lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, trong các ngày 28/3/2025 và ngày 04/4/2025, tại xưởng cơ khí A thuộc ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long) gồm 03 (ba) cái chân vịt dùng để chạy ghe, tàu bằng chất liệu đồng thau, với tổng giá trị chiếm đoạt là 17.549.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) nên Cáo trạng số 04/CT-VKSKV9 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long truy tố đối với bị cáo Mai Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Mai Văn N là coi thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật và tội phạm đã hoàn thành. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn

có ý thực hiện, điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo Mai Văn N là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại các điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Mai Văn N đã bồi thường bồi thường thiệt hại xong cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; ngoài ra bị cáo có ông nội Mai Văn K3 tham gia kháng chiến chống Mỹ, ông ngoại Nguyễn Văn N2 tham gia kháng chiến ở chiến trường Campuchia, bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có con còn nhỏ (chưa đủ 12 tháng tuổi) nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Mai Văn N là người đã thành niên, bị cáo là người có sức khỏe và có đủ điều kiện để tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tiêu tốn công sức lao động để có được, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo bị áp dụng 02 (hai) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Để thể hiện sự răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo suy ngẫm về hành vi của mình. Từ đó, để bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, qua đó cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong lượng hình cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo Mai Văn N không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Lê Văn M đã nhận lại một phần tài sản bị chiếm đoạt và đã nhận đủ tiền bồi thường, ông M không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Ghi nhận ngày 26/02/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-298.28, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu sơn: đỏ-đen, số máy: G3D4E569745; số khung:

0610HY546220 và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-010.22, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: đỏ-đen-bạc, số máy: 43E-6045068; số khung: 2XBY-128105 cho ông Mai Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số B1274/QĐ-VPCQCSĐT ngày 25/02/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

+ Ghi nhận ngày 27/11/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt; chất liệu bằng kim loại màu vàng, cân nặng 49kg, phần cạnh phía ngoài của mỗi cánh bị nhâm mề, trong đó có một vết mề kích thước lớn nhất dài 5,5cm; chiều dài mỗi cánh chân vịt là 48cm, chiều rộng mỗi cánh chân vịt là 27,5cm, trục chân vịt có đường kính là 11cm cho ông Lê Văn M theo Quyết định xử lý vật chứng số B4085/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

+ Trả lại cho bị cáo Mai Văn N số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Trần Minh K số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

[10] Về những vấn đề khác:

Đối với Trần Minh K, sinh ngày 10/3/2013; căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thu thập xác định, Trần Minh K có tham gia cùng bị cáo Mai Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 28/3/2025 và 04/4/2025. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện các hành vi nêu trên, Trần Minh K mới 12 tuổi 25 ngày. Do đó, Trần Minh K chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Minh K trong vụ án này.

Đối với bà Trần Thị Thanh L và bà Bùi Thị Y khi thu mua chân vịt chạy tàu của bị cáo Mai Văn N và ông Trần Minh K thì những người này không biết những tài sản này do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[11] Tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Văn N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Mai Văn N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Lê Văn M đã nhận lại một phần tài sản bị chiếm đoạt và đã nhận đủ tiền bồi thường, ông M không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Ghi nhận ngày 26/02/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-298.28, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu sơn: đỏ-đen, số máy: G3D4E569745; số khung: 0610HY546220 và 01 (một) xe mô tô biển số 71C3-010.22, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, màu sơn: đỏ-đen-bạc, số máy: 43E-6045068; số khung: 2XBY-128105 cho ông Mai Văn T theo Quyết định xử lý vật chứng số B1274/QĐ-VPCQCSĐT ngày 25/02/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

Ghi nhận ngày 27/11/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh V đã trả lại 01 (một) cái chân vịt chạy tàu loại 03 cánh quạt; chất liệu bằng kim loại màu vàng, cân nặng 49kg, phần cạnh phía ngoài của mỗi cánh bị nhâm mề, trong đó có một vết mề kích thước lớn nhất dài 5,5cm; chiều dài mỗi cánh chân vịt là 48cm, chiều rộng mỗi cánh chân vịt là 27,5cm, trục chân vịt có đường kính là 11cm cho ông Lê Văn M theo Quyết định xử lý vật chứng số B4085/QĐ-VPCQCSĐT ngày 26/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V.

Trả lại cho bị cáo Mai Văn N số tiền 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Trần Minh K số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000959 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

(Vật chứng được tạm gửi tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long, theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKSKV9 ngày 20/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Mai Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Cơ quan CSĐT) (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Công an xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (5b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú